| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4 - CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 330/2026/DS-ST
Ngày 16 – 7– 2026
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Càn.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Châu Hải Dương.

Ông Trần Chí Phong.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 533/2026/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2026 về việc "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 409/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Du Thị L, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã H, tỉnh Cà Mau. Số căn cước công dân 096175002662, cấp ngày 18/11/2021 (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Đỗ Văn S, sinh năm 1967. Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã H, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1967. Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã H, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan*: Chị Lê Thúy A, sinh năm 1994. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã N, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: Số C B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Số căn cước công dân 096194006210, cấp ngày 25/8/2022 (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại phiên tòa của bà Du Thị L, thể hiện:*

Bà L có tham gia 02 chân trong dây hụi loại 500.000 đồng, tháng khui 02 lần vào ngày mùng 05 và ngày 20 âm lịch, gồm 43 chân, mở vào ngày 05/3/2024 âm lịch, do bà Trần Thị H, ông Đỗ Văn S mở. Do bà H quen biết với chị Lê Thúy A (cháu bà L) nên khi tham gia hụi bà nói là dì của chị A nên bà H, ông S ghi tên hụi

viên là “An” trong danh sách hụi ở số thứ tự 42 và 43. Mặc dù ghi tên hụi viên là "An", nhưng bà L mới là người trực tiếp tham gia và đóng tiền đối với 02 chân hụi này.

Quá trình tham gia, đến kỳ khui hụi lần thứ 41 (ngày 05/10/2025 âm lịch) bà L bỏ hụi 510.000 đồng để hốt 01 chân hụi được số tiền: 40 lần x 500.000 đồng = 20.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 250.000 đồng thì số tiền được nhận là 19.750.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền này ông S, bà H chưa giao cho bà L.

Đến kỳ khui hụi lần thứ 42 thì bà H, ông S không tổ chức khui hụi, không thực hiện việc gom hụi nên số tiền của chân hụi còn lại ở kỳ hụi 43 khi mãn hụi (ngày 05/11/2025 âm lịch) là: 41 chân chết x 500.000 đồng = 20.500.000 đồng trừ tiền hoa hồng 250.000 đồng thì số tiền còn lại là 20.250.000 đồng. Số tiền này bà H, ông S cũng không giao cho bà L.

Như vậy, tổng số tiền hụi bà H, ông S còn thiếu bà L là: 19.750.000 đồng + 20.250.000 đồng = 40.000.000 đồng. Bà L nhiều lần liên hệ, bà H, ông S trả được 535.000 đồng, số còn lại 39.465.000 đồng hứa hẹn nhưng không thực hiện. Do vậy, bà L khởi kiện yêu cầu bà H, ông S trả lại 39.465.000 đồng.

Tại phiên tòa, sau khi tính toán lại số tiền hụi chân hụi đã hốt, đối trừ tiền hoa hồng, tiền hụi chết phải đóng thì tổng số tiền còn lại sẽ là 37.965.000 đồng nên bà L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Bà L yêu cầu ông S, bà H trả tổng số tiền còn lại là 37.965.000 đồng.

** Đối với ông Đỗ Văn S, bà Trần Thị H*: Mặc dù đã được tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng các đương sự này không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà L và không tham gia hòa giải, xét xử vụ án.

** Tại đơn xin vắng mặt ghi ngày 27/5/2026 của chị Lê Thúy A, thể hiện*: Chị A không tham gia các chân hụi do bà H, ông S mở. Do quen biết với bà H, chị A nói có người dì tên Du Thị L tham gia 02 chân hụi của bà H nên bà H ghi tên hụi viên là “A”. Các giao dịch liên quan đến các chân hụi này do bà L trực tiếp thực hiện cùng với bà H, ông S, không liên quan đến chị A. Chị A đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết đối với vụ án này.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Thúy A có đơn xin giải quyết vắng mặt, ông Đỗ Văn S, bà Trần Thị H đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; việc vắng mặt của ông S, bà H không thuộc trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp.

[2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Du Thị L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà L yêu cầu ông S, bà H trả số tiền hụi còn lại là

37.965.000 đồng là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại phiên tòa của bà Du Thị L phù hợp với ý kiến của chị Lê Thúy A và với "Tờ giao kèo hụi", thể hiện:

Bà L có tham gia 02 chân hụi trong dây hụi do ông S, bà H mở vào ngày 05/3/2024 âm lịch, loại hụi 500.000 đồng, tháng khui 02 lần, gồm 43 chân. Các chân hụi này ghi trong giấy hụi ở số thứ tự thứ 42 và 43 và tên hụi viên là "A". Mặc dù vậy, bà L là người trực tiếp tham gia giao dịch hụi với ông S, bà H. Quá trình tham gia, bà L tham gia đóng hụi và đến kỳ thứ 41 thì bỏ hụi 510.000 đồng để hốt 01 chân được số tiền (sau khi trừ tiền hoa hồng) là 19.750.000 đồng. Mặc dù đã bỏ hụi nhưng ông S, bà H không thực hiện việc gom hụi để giao số tiền hốt hụi cho bà L. Theo bà L, sau khi dây hụi ngừng hoạt động, ông S, bà H có trả được số tiền 535.000 đồng, số còn lại cho đến nay chưa trả.

Về các nội dung này, ông S, bà H không có ý kiến phản đối nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại kỳ thứ 41 bà L bỏ hụi, sau khi đối trừ tiền hoa hồng thì số tiền thực hốt được là 19.750.000 đồng. Đến kỳ thứ 42 và kỳ thứ 43, ông S, bà H không tổ chức khui hụi, không thực hiện việc gom hụi; dây hụi đã mãn vào ngày 05/11/2025 âm lịch.

Như vậy, trong trường hợp này, đối với chân hụi đã hốt, bà L còn phải thực hiện nghĩa vụ đóng hụi 02 lần đến khi mãn hụi, tương ứng với số tiền 1.000.000 đồng. Đối với chân hụi còn sống, bà L mới đóng hụi đến kỳ thứ 40 thì bà H, ông S ngừng khui hụi nên số tiền hụi được xác định là: 40 lần x 500.000 đồng = 20.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng thì số tiền còn lại là 19.750.000 đồng. Do đó, tổng số tiền hụi bà L được hưởng là 19.750.000 đồng – 1.000.000 đồng + 19.750.000 đồng = 38.500.000 đồng. Đối trừ số tiền đã trả thì ông S, bà H còn nợ lại bà L là 38.500.000 đồng – 535.000 đồng = 37.965.000 đồng.

Do vậy, việc bà L khởi kiện yêu cầu ông S, bà H trả số tiền hụi còn thiếu 37.965.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông S, bà H phải chịu là: 37.965.000 đồng x 5% = 1.898.250 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính

phủ về hụi, họ, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Du Thị L.

Buộc ông Đỗ Văn S, bà Trần Thị H trả cho bà L số tiền hụi còn thiếu 37.965.000 đồng (ba mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà L cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng ông S, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đỗ Văn S, bà Trần Thị H phải chịu 1.898.250 đồng (một triệu tám trăm chín mươi tám nghìn hai trăm năm mươi đồng).

- Bà Du Thị L không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà L số tiền đã nộp tạm ứng 986.000 đồng (chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai số 0005751 ngày 08/5/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 36 và 71 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Văn Càn**